

Số: 05/QĐ-PTDTBT-THMA

Pa Ham, ngày 18 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng xét duyệt hỗ trợ chi phí học tập
5 tháng đầu năm 2025 - Năm học 2024-2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC MUỜNG ANH

Căn cứ Thông tư số 28/2020/ TT-BGDĐT ngày 04 tháng 09 năm 2020 của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào Tạo về việc Ban hành Điều lệ trường Tiểu học quy định chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng;

Căn cứ Nghị định số: 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu; quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Công văn số 88/HD-PGDĐT ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Phòng Giáo dục Đào tạo huyện Muờng Chà về việc hướng dẫn xét duyệt chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2025, năm học 2024-2025;

Xét đề nghị của các ông (bà) phó Hiệu trưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng xét duyệt hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2025, năm học 2024-2025 (có danh sách kèm theo).

Thời gian làm việc 1/2 ngày: Chiều ngày 21/02/2025.

Địa điểm: Tại trường PTDTBT tiểu học Muờng Anh

Điều 2. Hội đồng xét duyệt xây dựng kế hoạch, tổ chức xét duyệt hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2025 theo đúng văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Các ông (bà) phó hiệu trưởng, bộ phận kế toán, các tổ khối chuyên môn, văn phòng và các ông (bà) có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT(b/c);
- Như điều 3;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Nga

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT CHI PHÍ HỌC TẬP 5 THÁNG ĐẦU NĂM

2025

(Kèm theo QĐ số 05/QĐ-PTDTBT-THMA, ngày 18/02/2025 của trường PTDTBTTH Mường Anh)

1. Chủ tịch hội đồng:

Bà Nguyễn Thị Nga – P. Hiệu trưởng:

2. Phó chủ tịch hội đồng:

Bà Cao Thị Mẽ - P. Hiệu trưởng:

Thư ký: Bà Lò Thị Pỏ - Giáo viên

3. Các ủy viên:

TT	Họ và tên	Chức vụ công tác	Chức danh trong hội đồng
1	Lò Văn Nhất	Trưởng ban thanh tra nhân dân- Bí thư Đoàn	Ủy viên
2	Tòng Văn Sương	Tổng phụ trách Đội	Ủy viên
3	Giàng A Dừng	Kế toán	Ủy viên
4	Vi Thị Huyền	Giáo viên chủ nhiệm	Ủy viên
5	Lò Thị Siến	Giáo viên chủ nhiệm	Ủy viên
6	Bùi Thị Tám	Giáo viên chủ nhiệm	Ủy viên
7	Bùi Văn Quang	Giáo viên chủ nhiệm	Ủy viên
8	Nguyễn Thị Thu	Giáo viên chủ nhiệm	Ủy viên
9	Lường Văn Chung	Giáo viên chủ nhiệm	Ủy viên
10	Bùi Văn Chi	Giáo viên chủ nhiệm	Ủy viên
11	Lường Văn Phần	Giáo viên chủ nhiệm	Ủy viên
12	Nguyễn Thị Minh Hương	Giáo viên chủ nhiệm	Ủy viên
13	Vàng A Lử	Giáo viên chủ nhiệm	Ủy viên
14	Giàng A Hờ	Giáo viên chủ nhiệm	Ủy viên
15	Lò Thị Cương	Giáo viên chủ nhiệm	Ủy viên
16	Giàng A Nhia	Giáo viên chủ nhiệm	Ủy viên
17	Lò Văn Kiêm	Giáo viên chủ nhiệm	Ủy viên

(Danh sách gồm có 20 người)

Số: 05/BB-XD

Pa Ham, ngày 21 tháng 02 năm 2025

BIÊN BẢN

Về việc xét duyệt hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2025
Năm học 2024-2025

I. Thời gian, địa điểm:

- Thời gian: 15h00 phút, ngày 21 tháng 02 năm 2025
- Địa điểm: Tại trường PTDTBT tiểu học Mường Anh

II. Thành phần:

Theo Quyết định số: 05/QĐ-PTDTBT-THMA, ngày 18 tháng 02 năm 2025 của trường PTDTBTTH Mường Anh.

III. Nội dung:

1. Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch hội đồng thông qua Quyết định số: 05/QĐ-PTDTBT-THMA, ngày 18/02/2025 của trường PTDTBTTH Mường Anh V/v thành lập Hội đồng xét duyệt học sinh hưởng hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2025; Nghị định số: 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Công văn số 88/HD-PGDĐT ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Phòng Giáo dục Đào tạo huyện Mường Chà về việc hướng dẫn xét duyệt chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2025, năm học 2024-2025.

2. Báo cáo của phó chủ tịch về việc chuẩn bị hồ sơ:

Tổng số học sinh đề nghị được xét duyệt: 437 học sinh.

+ Tổng số học sinh 5 tháng đầu năm 2025 đề nghị hỗ trợ chi phí học tập là: 437 học sinh.

+ Phân công thành viên kiểm tra hồ sơ đề nghị xét duyệt hỗ trợ chi phí học 5 tháng đầu năm 2025, năm học 2024-2025;

II. Tổng kết hội đồng

- Công tác chuẩn bị cho hội đồng làm việc:
- Ưu điểm: Mọi thành viên có mặt đầy đủ theo Quyết định số 05/QĐ-PTDTBT-THMA, ngày 18/02/2025 của trường PTDTBT tiểu học Mường Anh.
- Nhận xét về hồ sơ: Hồ sơ đảm bảo, rõ ràng, đúng quy định.
- Kết quả xét duyệt
- Số học sinh được xét duyệt hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2025 là: 437 học sinh. Nữ: 208 em. Dân tộc: 425 em. (Có danh sách kèm theo)
- Số học sinh không được hưởng chế độ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2025 là: 3 em (Lí do: 03 em hộ khẩu thường trú tại xã không thuộc khu vực III vùng dân tộc và miền núi, có cha mẹ không thuộc diện hộ nghèo).
- Hồ sơ của hội đồng xét duyệt học sinh hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2025 gồm:

1. Quyết định của nhà trường về việc thành lập hội đồng xét duyệt hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2025.
2. Biên bản xét duyệt học sinh hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2025.
3. Danh sách học sinh được hưởng hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2025.
4. Đơn đề nghị hưởng chi phí học tập của học sinh.
5. Bản sao căn cước công dân và mã định danh của học sinh.
6. Tờ trình phê duyệt học sinh hưởng hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2025.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, Phòng GD&ĐT lưu trữ 01 bản, nhà trường lưu trữ 01 bản./.

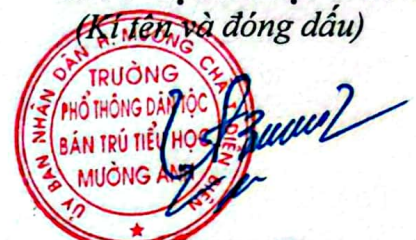
THƯ KÝ



Lò Thị Pô

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Kí tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Nga

Họ tên, chữ ký các thành viên

 Cao Thị Mễ	 Vi Thị Huyền	 Bùi Thị Tám	 Bùi Văn Quang	 Lò Thị Siên
 Vàng A Lữ	 Bùi Văn Chi	 Giàng A Hờ	 Giàng A Nhia	 Lường Văn Chung
 Lò Thị Cương	 Nguyễn Thị Thu	 Lò Văn Nhất	 Lò Văn Kiêm	 Tòng Văn Sương
 Lường Văn Phấn	 Giàng A Dừng	 Nguyễn T. Minh Hương		

Số: 02/TT-PTDTBT-THMA

Pa Ham, ngày 22 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê duyệt học sinh được hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2025, Năm học: 2024 -2025

Kính gửi: Phòng GD&ĐT huyện Mường Chà

Căn cứ Nghị định số: 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu; quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Công văn số 88/HD-PGDĐT ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Phòng Giáo dục Đào tạo huyện Mường Chà về việc hướng dẫn xét duyệt chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2025, năm học 2024-2025;

Căn cứ Biên bản số: 05/BB-XD ngày 21 tháng 02 năm 2025 của trường PTDTBT tiểu học Mường Anh V/v xét duyệt học sinh hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2025, năm học 2024-2025;

1. Hội đồng xét duyệt học sinh hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2025 trường PTDTBT tiểu học Mường Anh đã tiến hành xét duyệt học sinh hưởng hỗ trợ chi phí học tập cụ thể:

+ Tổng số dự xét duyệt hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2025 là: 437 học sinh. Nữ: 208 em. Dân tộc: 425 em.

+ Tổng số học sinh có hồ sơ dự xét, đủ điều kiện: 437 Học sinh.

2. Kết quả xét duyệt:

Đối chiếu với các điều kiện quy định tại Nghị định số: 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu; quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Trường PTDTBT tiểu học Mường Anh có tổng số học sinh được xét duyệt 5 tháng đầu năm 2025 là 437/437 em đạt 100% số học sinh dự xét (Có danh sách kèm theo).

Vậy đề nghị Phòng GD&ĐT huyện Mường Chà thẩm định phê duyệt tổng số: 437 học sinh được hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2025 tại trường PTDTBT tiểu học Mường Anh theo các quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi (b/c);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Kí tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Nga

DANH SÁCH
HỌC SINH ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT HỒ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025, NĂM HỌC 2024 - 2025
Trường PTDTBT Tiểu học Mường Anh

(Kèm theo tờ trình số: 02/TT-PTDTBT THMA ngày 22/05/2025 của trường PTDTBT TH Mường Anh)

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng chính sách	Mức hỗ trợ (đồng/tháng)	Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ (đồng)	Họ và tên cha (mẹ) Hoặc người đỡ đầu	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã			Ghi chú
								Bản	Xã/Thị trấn	Huyện	
1	2	3	4	5	6	7=5*6	8			9	10
1	Lò Tuấn Anh	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Thuế	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
2	Nguyễn An Chi	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Pô	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
3	Giàng Thị Chu	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng Thị Nhè	Phong Châu	Pa Ham	Mường Chà	
4	Lò Quốc Cường	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Ngợi	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
5	Lò Thị Danh	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Nghị	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
6	Vàng Đức Duy	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Thơi	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
7	Lò Mạnh Duy	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Hoạt	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
8	Lò Văn Đại	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Khao	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
9	Lò Minh Hiếu	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Phái	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
10	Lò Thị Mai Hoa	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Cải	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
11	Lò Thúy Hương	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Nhóm	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
12	Lò Thu Hương	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Quảng Thị Chiên	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
13	Đieu Thị Ngọc Khánh	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Đieu Văn Hương	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
14	Lò Duy Khánh	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Sinh	Phong Châu	Pa Ham	Mường Chà	
15	Lò Diêu Ly	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Phòng	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
16	Lò Quỳnh Nga	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Tòng Thị Lan	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
17	Đieu Chinh Đức Nguyễn	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Chới	Tân Phong	Si Pa Phìn	Nậm Pồ	
18	Tông Thị Nhân	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Thơi	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
19	Lò Đình Quân	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Hiệp	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
20	Lò Thị Thanh	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Thu	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
21	Lò Duy Thành	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Diệu	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
22	Lò Đài Thành	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Mơi	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	

23	Lò Hạo Thiên	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Thảo	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
24	Lù Hải Thư	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lù Văn Thâm	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
25	Vừ Xuân Tiên	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Xa	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
26	Lò Thị Bảo Trang	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Quảng Thị Doan	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
27	Lò Lâm Tuệ	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Tư	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
28	Lò Kim Uyên	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Vĩ	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
29	Điền Gia Huy	1A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Điền Thị Hiền	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
30	Vàng Bảo An	1A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ Thị Dợ	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
31	Thào Thị Duát	1A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng Thị Chua	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
32	Giảng A Hiêng	1A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng A Năng	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
33	Sùng A Kỳ	1A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng Khoa Dính	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
34	Vàng A Sinh	1A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vàng A Vả	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
35	Thào Thúy Xuân	1A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thào A Thè	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
36	Vàng Xuân Trường	1A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vàng A Chá	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
37	Vừ Thị Vẻ	1A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Lầu	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
38	Thào Thị Trang	1A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thào Chá Di	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
39	Vừ Lan Phương	1A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Dơ	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
40	Vàng Đưa Thắng	1A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vàng A Cho	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
41	Vàng Hữu Phước	1A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vàng A Chệ	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
42	Sùng A Tuyên	1A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Tủa	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
43	Sùng A Chó	1A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Thào	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
44	Hờ Thị Cá	1A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ A Khai	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
45	Thào A Chan	1A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vàng Thị Mãi	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
46	Lầu Thị Trang	1A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lầu A Chư	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
47	Thào Thị Ngọc Kim	1A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thào A Tủa	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
48	Sùng Đức Trường	1A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Lư	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
49	Lầu A Phong	1A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lầu A Dinh	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
50	Vừ Đông Nhi	1A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Vừ	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
51	Vừ A Lù	1A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng Thị Thảo	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
52	Mùa Thị Châm Chi	1A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Mùa Thị Ninh	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà	
53	Giảng Thị Chua	1A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng A Vả	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà	
54	Hờ A Đông	1A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ A Xê	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà	
55	Giảng Thị Em	1A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Ly Thị Súa	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà	
56	Thào Đức Huy	1A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng Thị Hoa	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà	

57	Thào Thị Ngọc Mai	1A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thào A Chứ	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chả
58	Thào A Nghe	1A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thào A Thẻ	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chả
59	Hồ Thị Pà	1A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hồ A Đức	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chả
60	Hồ Thị Phua	1A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hồ A Chinh	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chả
61	Giàng A Thằng	1A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Hồ	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chả
62	Giàng A Thông	1A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Tà	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chả
63	Giàng Thị Mai Vàng	1A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Trư	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chả
64	Hạng A Cánh	1A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thào Thị Lua	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả
65	Giàng Đình Công	1A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Nhanh	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả
66	Vừ A Cừ	1A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thào Thị Dẻ	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả
67	Sùng Thị Mai Lan	1A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Châu	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả
68	Giàng A Long	1A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Phua	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả
69	Vừ Trường Nguyên	1A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Năng	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả
70	Giàng A Phúc	1A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Thái	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả
71	Giàng A Quý	1A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng Khua Páo	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả
72	Sùng Quân Sơn	1A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Dia	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả
73	Giàng Thị Sĩa	1A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Dia	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả
74	Giàng Thị Sinh	1A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Dơ	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả
75	Giàng A Sơn	1A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Vừ	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả
76	Giàng Thị Sủ	1A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Sủ	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả
77	Hồ Thị Sũa	1A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hồ A Vừ	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả
78	Sùng A Tinh	1A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Dinh	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả
79	Giàng A Trọng	1A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A La	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả
80	Giàng A Vòng	1A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Dế	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả
81	Giàng Thị Xe	1A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Nả	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả
82	Nguyễn Bình An	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Nguyễn Thị Huế	Phong Châu	Pa Ham	Mường Chả
83	Tòng Hà Cẩm Anh	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hà Lan Phượng	Phong Châu	Pa Ham	Mường Chả
84	Lò Thị Bảo Chi	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Quảng Thị Doan	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chả
85	Lò Bảo Dân	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Quyết	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chả
86	Lò Quang Duy	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Quyết	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chả
87	Điền Thị Thùy Dương	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Liên	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chả
88	Lò Thị Linh Đan	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Viên	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chả
89	Hoàng Minh Đông	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hoàng Minh Diện	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chả
90	Lù Đức Hải	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lù Thị Liên	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chả

91	Lò Thị Thanh Hiền	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Khao	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
92	Lò Tuấn Hưng	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Quảng Thị Chiến	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
93	Vừ Tuấn Khang	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Cầu	Tia Ghênh B	Keo Lôm	Điện Biên Đông	
94	Nguyễn Bảo Khiêm	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Nguyễn Văn Phơi	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
95	Lò Thị Ngọc Miên	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Nguyễn	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
96	Lò Bảo Nam	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Nhung	Phong Châu	Pa Ham	Mường Chà	
97	Lò Thúy Nga	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lù Thị Điện	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
98	Lò Thị Kim Ngân	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Điền Thị Văn	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
99	Nguyễn Thị Kim Ngân	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Khoảng Thị Sáng	Phong Châu	Pa Ham	Mường Chà	
100	Vùi Thị Bảo Ngọc	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vùi Văn Mẩn	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
101	Lò Như Nguyệt	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Siêng	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
102	Lò Thanh Nhân	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Quả	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
103	Lò Văn Nhất	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Tuyền	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
104	Vùi Quang Nhật	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vùi Văn Chương	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
105	Nguyễn Kim Oanh	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Phong	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
106	Lò Nam Phong	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Phin Thị Dang	Bản Kéo	Xuân Lao	Mường Ảng	
107	Lò Như Quỳnh	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Kiều	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
108	Lương Tú Quỳnh	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Bạc Thị Cương	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
109	Lò Tuấn Sang	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Xuyên	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
110	Lò Thị Thanh Thảo	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Quảng Thị Thơm	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
111	Lò Thị Thanh Thu	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Thắng	Phong Châu	Pa Ham	Mường Chà	
112	Giảng Thị Phương Yên	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng A Hờ	Phi Công	Hòa Ngải	Mường Chà	
113	Lò Hoàng Yến	2A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Phương	Sải Ngòi	Quải Cang	Tuần Giáo	
114	Vàng Thị Ngọc Bích	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vàng A Mía	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
115	Vừ A Công	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Chính	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
116	Sùng Đình Công	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Phía	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
117	Hờ A Cường	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ A Chia	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
118	Sùng A Cường	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Tủa	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
119	Vừ Thị Chia	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Tủa	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
120	Thào A De	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thào A Phòng	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
121	Vàng A Duy	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vàng A Phụng	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
122	Sùng Mai Dung	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Lừ	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
123	Thào Thị Dương	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thào A Tủa	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
124	Giảng Thị Du	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng A Hoa	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	

125	Vàng A Đồng	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vàng A Vừ	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
126	Giàng A Hạnh	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Minh	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
127	Hờ Thị Thủy Hạnh	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ A Khai	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
128	Lầu Thị Thu Hiền	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lầu A Đình	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
129	Lầu Thị Hoa Huệ	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lầu A Ná	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
130	Lầu Thanh Hù	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lầu A Vừ	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
131	Lý Văn Hiếu	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lý A Chính	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
132	Thảo Thị Thanh Huyền	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Phía	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
133	Vàng Thái Hùng	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng Thị Giàng	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
134	Vừ Thị Ka	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ Thị Đót	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
135	Thảo A Kinh	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Chénh	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
136	Vàng Thị Ngọc Lu	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vàng A Súa	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
137	Vừ A Nu	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Bình	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
138	Thảo Thị Nu	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Tinh	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
139	Sùng Chung Nghĩa	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Lư	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
140	Thảo Thị Oanh	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Chá	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
141	Sùng A Phanh	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Ché	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
142	Hờ Việt Thiên Phúc	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ A Tùng	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
143	Vừ Thị Se	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Sinh	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
144	Hờ Thủy Thu Thảo	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ A Nhé	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
145	Lầu Chí Thiện	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lầu A Lầu	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
146	Vừ A Trung	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Tùng	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
147	Thảo A Trường	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Sự	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
148	Vừ Thị Kia	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Nhé	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
149	Vàng Thị Xua	2A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vàng A Pùa	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả
150	Giàng Tuấn Anh	2A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Xú	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chả
151	Hờ A Bình	2A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ A Đình	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chả
152	Thảo Thanh Bình	2A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Linh	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chả
153	Hờ Thị Cú	2A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ A De	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chả
154	Hờ Thị Dưa	2A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng Thị Xe	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chả
155	Hờ Thị Khoa	2A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng Thị Danh	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chả
156	Hờ A Hậu	2A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ A Xê	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chả
157	Giàng A Là	2A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ Thị Chua	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chả
158	Giàng Thị Ly	2A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Lầu	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chả

159	Giàng Thị Trang	2A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Tré	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà	
160	Bùi Quỳnh Trâm	2A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Bùi Thị Tám	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà	
161	Giàng A Trung	2A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Ly Thị Súa	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà	
162	Hờ A Trường	2A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ A Chác	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà	
163	Hờ Thị Sông	2A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ A Phua	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà	
164	Vừ Thị Cờ	2A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A De	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
165	Vừ Mạnh Cường	2A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Dờ	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
166	Vừ Quang Hải	2A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Tủa	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
167	Vừ Thị Thu Hương	2A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Tinh	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
168	Vừ Thị Ia	2A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Dơ	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
169	Vừ A La	2A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Sư	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
170	Vừ A Phong	2A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Năng	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
171	Ly Mai Phương	2A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Ly A Cua	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
172	Giàng Thị Sĩ	2A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Chia	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
173	Vừ Minh Sơn	2A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Nhè	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
174	Sùng A Thi	2A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Lồng	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
175	Giàng Thanh Tùng	2A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Páo	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
176	Giàng Mưa Tranh	2A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Phong	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
177	Vừ Thị Vân	2A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Di	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
178	Giàng Thị Xia	2A4	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Phua	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
179	Lò Thị Vi An	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Vân	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
180	Vàng A Dế	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vàng A Chá	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
181	Sùng Thị Dung	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng Thị Mai	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
182	Lò Mạnh Dũng	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Qan	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
183	Hờ Thị Giàng	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ Thị Sủ (chị)	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà	
184	Vừ A Giàng	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A De	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
185	Lò Văn Hạc	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Cười	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
186	Khoàng Khánh Hòa	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Khoàng Văn Đức	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
187	Thào Thị Hương	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thào A Páo	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
188	Vùi Hiếu Huyền	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Học	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
189	Thào Ha Kai	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thào A Tủa	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
190	Mùa Thị Kìa	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Mùa Thị Ninh	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà	
191	Giàng A Kinh	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Dế	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
192	Vừ Thị La	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Tủa	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	

193	Giăng Thị Lìa	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giăng A Sứ	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
194	Sùng A Mùa	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Châu	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
195	Lù Khánh Nhật	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Thiệu	Mường Anh2	Pa Ham	Mường Chà	
196	Giăng Thị Pà	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giăng A Cầu	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
197	Thảo A Páo	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Phóng	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
198	Thảo A Phành	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Minh	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà	
199	Vừ A Phi	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Lự	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
200	Lầu A Phong	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lầu A Vư	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
201	Thảo A Phong	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Tinh	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
202	Sùng Thị Sinh	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Dĩa	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
203	Vừ Thị Sinh	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Lầu	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
204	Hờ Duy Thành	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ A Khai	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
205	Giăng A Thị	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giăng A Sùng	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
206	Lầu A Tú	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lầu A Ma	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
207	Thảo Minh Tuấn	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Linh	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà	
208	Vừ A Vàng	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Khu	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
209	Lò Thị Hà Vĩ	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Mào Thị Nghiệp	Phong Châu	Pa Ham	Mường Chà	
210	Khoảng Thế Vinh	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Khoảng Văn Đoàn	Phiêng Đất B	Pa Ham	Mường Chà	
211	Thảo Thị Xinh	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Tùa	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
212	Tòng Văn Linh	3A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Len	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
213	Lò Văn Hải Đông	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Sinh	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
214	Hờ A Quả	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ A Vư	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
215	Lò Thanh Như	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Quyết	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
216	Lò Minh Thiên	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Ngần	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
217	Lò Khánh Huy	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Hiệu	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
218	Lò Anh Quý	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Song	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
219	Lò Minh Khôi	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Thiết	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
220	Đieu Thị Lệ Anh	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Đieu Thị Hiền	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
221	Lò Thị Thanh Nhi	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Viên	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
222	Thảo Thị Chi	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giăng Thị Tùng	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
223	Giăng Thị Phương	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giăng A Tùng	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
224	Thảo Minh Quân	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Vư	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
225	Vàng Thị Giăng	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vàng A Vư	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
226	Sùng Quang Việt	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Xia	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	

227	Thảo Na Tha Li	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Chè	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả	
228	Hờ A Na	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ A Di	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả	
229	Vừ A Cống	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Hờ	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả	
230	Sùng Anh Đồng	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Lừ	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả	
231	Thảo A Khen	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Tủa	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả	
232	Vừ A Kỳ	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giăng Thị Thảo	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả	
233	Vừ Thị Mai Song	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Dinh	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả	
234	Sùng Đông Kinh	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng Khoa Dinh	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả	
235	Thảo Thị Hờ Quyền	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Khà	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả	
236	Thảo A Thành	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Sừ	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả	
237	Thảo Thị Mai	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Giăng	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chả	
238	Giăng A Khua	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giăng A Hờ	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chả	
239	Thảo Thị Dung	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Chừ	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chả	
240	Vừ Thị Chi	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Xa	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả	
241	Giăng A Hùng	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giăng A Thái (B)	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả	
242	Giăng Thị Cò	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giăng A Ninh (Nhánh)	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả	
243	Sùng Gia Nghĩa	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Khua	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả	
244	Giăng Minh Sơ	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giăng A Thu (Thủ)	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả	
245	Hờ A Mưa	3A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ A Chác	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chả	
246	Khoảng Thị An	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Hiệp	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chả	
247	Vàng Anh	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vàng A Vừ	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả	
248	Giăng A Ánh	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giăng A Sùng	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chả	
249	Vàng Thái Bình	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vàng A Ma	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả	
250	Giăng A Cầu	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giăng A Cơ	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả	
251	Vừ Thị Chua	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Lừ	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chả	
252	Thảo Thị Cò	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Thề	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả	
253	Lò Thị Đan	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Nghị	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chả	
254	Lò Khánh Đạt	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Xuyên	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chả	
255	Giăng A Hiếu	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giăng A Năng	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả	
256	Thảo Thị Hoa	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Chá	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả	
257	Lò Văn Minh Khai	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Vị	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chả	
258	Vàng Thị La	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vàng A Tra	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chả	
259	Lò Việt Long	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Vân	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chả	
260	Sùng A Ly	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng Chè Tùng	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chả	

261	Vừ Thị Ly	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Chính	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
262	Hồ A Ly	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hồ A Sùng	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
263	Vừ A Minh	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Thành	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
264	Hồ A Minh	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hồ A Dính	Huổi Đắp	Pa Ham	Mường Chà	
265	Lầu A Mùa	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lầu A Chá	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
266	Lò Thị Thảo Mỹ	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Tuyết	Phong Châu	Pa Ham	Mường Chà	
267	Lầu Thị Nge	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lầu A Trừ	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
268	Giăng Vinh Ngọc	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giăng A Thái (A)	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
269	Vừ Thị Nu	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Phổng	Huổi bon	Pa Ham	Mường Chà	
270	Giăng Thị Phương	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giăng A Tú	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
271	Sùng Thị Phương	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Di	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
272	Lò Mạnh Quân	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Chính	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
273	Giăng A Sơn	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giăng A Hồ	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
274	Thảo Đức Thắng	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Súa	Huổi Đắp	Pa Ham	Mường Chà	
275	Lương Phương Thảo	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lương Văn Thơm	Mường Anh 1	Hừa Ngải	Mường Chà	
276	Lù Đức Thiện	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lù Văn Dũng	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
277	Giăng Mạnh Toán	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giăng A Mang	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
278	Sùng A Lâm	3A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Vừ	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
279	Nguyễn Tuấn Anh	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Đieu Thị Thu	Phong Châu	Pa Ham	Mường Chà	
280	Nguyễn Châu Ngọc Anh	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Trần Thị Huệ	Phong Châu	Pa Ham	Mường Chà	
281	Lầu Huy Chương	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lầu A Vừ	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
282	Sùng A Chia	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Chá	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
283	Sùng Thị E	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng Khua Dính	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
284	Sùng Thị Gầu	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Ché	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
285	Thảo A Sơn	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Sừ	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
286	Sùng Thị Sinh	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng Thị Ganh	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
287	Đieu Bích Ngọc	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Ín	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
288	Lầu Thị Bầu	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lầu A Dính	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
289	Giăng A Mong	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giăng Thị Thò	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
290	Đieu Mạnh Quân	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Đieu Thị Thảo	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
291	Vừ Thị Phia	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Chá	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
292	Hồ A Mưa	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hồ A De	Huổi Đắp	Pa Ham	Mường Chà	
293	Sùng Thành Tôn	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Dơ	Huổi Đắp	Pa Ham	Mường Chà	
294	Giăng Thị Ba	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giăng A Dé	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	

295	Lò Đức Hiếu	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Cương	Bản Cò Hón	Xuân Lao	Mường Áng	
296	Giảng Thị Ganh	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng A Nhánh	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
297	Giảng A Linh	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng Khoa Dơ	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
298	Vừ A Minh	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Chu	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
299	Giảng Thị Khánh Phương	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Phới	Hất Tre	Hừa Ngải	Mường Chà	
300	Đào Tấn Sang	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Cao Thị Mế	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
301	Vừ Thị Phua	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng Thị Si	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
302	Tòng Kim Tuyền	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Tòng Văn Khuyến	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
303	Điền Mạnh Tường	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Điền Văn Dũng	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
304	Lò Tường Vy	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lêng Thị Hồng	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
305	Nguyễn Bảo Hưng	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Nguyễn Thị Liên	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
306	Trần Ngọc Duy	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Trần Minh Huy	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
307	Khoảng Thế Lực	4A1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Điền Thị Thị	Nậm Ty	Nậm Hàng	Nậm Nhùn	
308	Vừ A Còi	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Lự	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
309	Vàng Thị Kim Chua	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng Thị Giảng	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
310	Vàng A Ngọc	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vàng A Sinh	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
311	Hờ Thị Thủy Trang	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ A Nhé	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
312	Lầu Thị Mai Thu	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lầu A Chư	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
313	Vàng Mai Hoa	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vàng A Phưng	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
314	Vàng Thị Ly	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vàng A Cho	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
315	Vàng A Trung	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vàng A Thái	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
316	Giảng A Lênh	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng Thị Chu	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà	
317	Lò Đình Duy	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Phần	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
318	Lò Đức Hiếu	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Quảng Thị Thơm	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
319	Lò Duy Khanh	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Ngỏi	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
320	Lò Thị Khánh Lâm	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lêng Thị Phương	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
321	Vàng Thủy Trang Nguyễn	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Thơi	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
322	Tòng Thị Vệ	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Tòng Văn Nguyệt	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
323	Lò Thế Khải	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Tinh	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
324	Đình Hoàng Phúc	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Bùi Thị Dung	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
325	Vùi Thanh Tâm	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vùi Văn Chương	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
326	Khoảng Thị Mai Uyên	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sin Thị Cúc	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
327	Giảng A Quang	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng A Cúc	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà	
328	Lò Thị Diệu Linh	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Xuân	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà	

329	Hồ Thị Tùng	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hồ A Đế	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà	
330	Ly Thị Hoa	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Ly A Đế	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
331	Sùng Thị Kinh	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Dĩa	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
332	Giàng Anh Lý	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Phong	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
333	Vừ Thị Pà	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo Thị Cò	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
334	Vừ A Si Mông	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Nhè	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
335	Vừ A Sơn	4A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Sứ	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
336	Lò Tuấn Anh	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Phóng	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
337	Lò Tuấn Kiệt	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Tuấn	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
338	Lò Bảo Nguyên	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Tuyển	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
339	Lò Đức Thiện	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Tứ	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
340	Nùng Bảo Thu	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Nùng Văn Phái	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
341	Lò Vũ Duy	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Nhó	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
342	Lò Nhật Hưng	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Nguyên	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
343	Nguyễn Thị Phương	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Nguyễn Văn Phơi	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
344	Lò Thủy Tiên	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Thới	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
345	Bùi Thùy Vân	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Nhường	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
346	Lò Việt Dương	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Tan (bà)	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
347	Giàng A Dung	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Nu	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
348	Thảo A Hồng	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vàng Thị Mai	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
349	Lầu Thị Ia	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lầu A Dinh	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
350	Ly Thị Xuân	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Ly A Dinh	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
351	Sùng Thị Nhi	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Chừ	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
352	Sùng A Sinh	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Lừ	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
353	Vàng A Xàng	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vàng A Đế	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
354	Lý Thị Vi	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lý A Chinh	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
355	Vàng Thị Tùng	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo Thị Chia	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
356	Giàng Thị Dọ	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Thái	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
357	Hồ Thị Hú	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng Thị Mỹ	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
358	Vừ Thị Mang	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Thảo	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
359	Giàng Lòng Quân	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Páo	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
360	Ly A Sinh	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Ly A Phùa	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
361	Giàng Thị Sua	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giàng A Thái	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
362	Vừ Thị Hằng	4A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Páo	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	

363	Lò Thị Tâm Như	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Quả	Mường Anh I	Pa Ham	Mường Chà	
364	Điều Thị Linh Phương	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Điều Văn Phón	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
365	Lò Văn Thương	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Điều Thị Thim	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
366	Nùng Diệp Thanh	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Nùng Văn Phái	Mường Anh I	Pa Ham	Mường Chà	
367	Lò Phương Anh	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Chuyên	Mường Anh I	Pa Ham	Mường Chà	
368	Tông Thị Ngọc Bích	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Viện	Mường Anh I	Pa Ham	Mường Chà	
369	Lò Như Anh	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Siêng	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
370	Vừ Thị Thảo	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Chu	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
371	Thảo Thị Báu	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ Thị Chia	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
372	Sùng Thị Kìa	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng Thị Mo	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
373	Vừ A Thàng	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ Dóng Nhè	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
374	Lầu A Thành	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lầu A Cầu	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
375	Thảo Thị Gừa	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Minh	Huổi Đap	Pa Ham	Mường Chà	
376	Sùng Thị Ngọc Quang	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Dơ	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
377	Sùng A Quân	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Châu	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
378	Lò Tuấn Khanh	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Tông Thị Bui	Mường Anh	Pa Ham	Mường Chà	
379	Hờ Thị Hoài Nhi	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ A Tùng	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
380	Giảng A Sơn	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng A Tùng	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
381	Thảo Thị Vi	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Tủa (A)	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
382	Thảo Thị Sinh	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo Súa Tinh	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà	
383	Giảng Thị Công	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng A Mang	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
384	Giảng A Chương	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng A Sùng	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
385	Giảng Thị Hua	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng Páo Ly	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
386	Vừ A Huy	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Nhè (ô)	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
387	Thảo A Thanh	SA1	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Páo	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà	
388	Nùng Khanh Huy	SA2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Nùng Văn Diệu	Mường Anh I	Pa Ham	Mường Chà	
389	Lò Thị Quỳnh	SA2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Ngợi	Mường Anh I	Pa Ham	Mường Chà	
390	Lò Thị Thẩm	SA2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Sơn	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
391	Lò Thị Bảo Trang	SA2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Xuyên	Mường Anh I	Pa Ham	Mường Chà	
392	Bùi Đức Hải	SA2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Bùi Văn Quang	Phong Châu	Pa Ham	Mường Chà	
393	Lò Thị Thanh Biện	SA2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Vần	Mường Anh I	Pa Ham	Mường Chà	
394	Lò Mạnh Hiếu	SA2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Xuyên	Mường Anh II	Pa Ham	Mường Chà	
395	Thảo Tuấn Anh	SA2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Sênh	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
396	Hờ Thị Chi	SA2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ A Di	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	

397	Vừ Thị Gầu	5A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng Thị Súa (bà)	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
398	Vừ Thị Mai Hoa	5A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Dính	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
399	Hờ Thị Ngọc Duyên	5A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ A Khai	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
400	Giảng A Công	5A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng A Sung	Huổi Đap	Pa Ham	Mường Chà	
401	Lý A Quân	5A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lý A Đế	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
402	Vừ A Sĩa	5A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Dính	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
403	Giảng A Vả	5A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng A Chua	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
404	Lù Hai Đăng	5A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lù Văn Thâm	Mường Anh	Pa Ham	Mường Chà	
405	Sùng A Vàng	5A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Di	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
406	Sùng Thị Xi	5A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ Thị Ly	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
407	Lầu Thị Y	5A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lầu A Trừ	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
408	Hờ Thị Sùng	5A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ A Dính	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà	
409	Giảng A Công	5A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng A Phua	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
410	Sùng Thị Đê	5A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Dính	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
411	Giảng Thị Ia	5A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng A Nả	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
412	Vừ Thị Phua	5A2	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Phổng	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
413	Lò Duy Anh	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Sinh	Phong Châu	Pa Ham	Mường Chà	
414	Lò Lâm Huy	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Chiêu	Mường Anh II	Pa Ham	Mường Chà	
415	Lò Minh Khánh	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Quý	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
416	Đieu Văn Trang	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Đieu Văn Cường	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
417	Lò Bích Hằng	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thùng Thị Nét	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
418	Lò Thị Thu Hằng	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Yêu	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
419	Lò Thị Kim Uyên	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Thúc	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
420	Lù Kim Oanh	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lù Văn Dũng	Mường Anh II	Pa Ham	Mường Chà	
421	Nguyễn Phi Yến	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Nguyễn Văn Phoi	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
422	Lò Thị Như Yến	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Viễn	Pa Ham	Pa Ham	Mường Chà	
423	Thảo Thị Dương	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thảo A Páo	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
424	Lý Trường Giang	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vàng Thị Nhìa	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
425	Hờ Thị Phuong	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ A Sùng	Huổi Đap	Pa Ham	Mường Chà	
426	Giảng Thị Súa	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng A Sừ	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
427	Giảng A Xuân	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng A Hờ	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
428	Vừ A Thái	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vừ A Dờ	Huổi Cang	Pa Ham	Mường Chà	
429	Sùng A Cảnh	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Sùng A Phia	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
430	Giảng Thị Hoa	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng A Năng	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	

431	Giảng Thị Nhánh	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng A Cầu (A)	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
432	Thào A Tré	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Thào A Phúc	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
433	Vàng Thị Thu Xía	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Vàng A Di	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
434	Hờ A Minh	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Hờ A Phùa	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà	
435	Lò Bảo Huy	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Văn Kinh	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà	
436	Lò Văn Luân	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Lò Thị Chiếu	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà	
437	Giảng Thị Ma	5A3	Xã K VIII vùng DT và miền núi	150,000	5	750,000	Giảng Nhè Séo	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà	
Tổng				65,550,000		327,750,000					

Số tiền bằng chữ: Ba trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng.

Tổng số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập: 437 học sinh.